

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: Nạo vét, kiên cố hóa một số tuyến kênh thuộc hệ thống thủy lợi Giao Thủy gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Giao Hải, Giao Xuân huyện Giao Thủy.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

- Địa điểm xây dựng: Xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Quy mô đầu tư:

+ Nạo vét, kiên cố hóa kênh CA23 chiều dài 1.112m.

+ Nạo vét, kiên cố hóa kênh CA23-1 chiều dài 438m.

+ Nạo vét, kiên cố hóa kênh Mỹ Tho chiều dài 503m.

+ Nạo vét, kiên cố hóa phía bờ hữu kênh CN11 chiều dài 1.013m.

+ Xây dựng các công trình trên tuyến.

2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 420 ngày.

3. Mục đích lựa chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình, đảm bảo:

- Công trình được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo tính kỹ, mỹ thuật theo các tiêu chuẩn áp dụng trong dự án đã được phê duyệt;

- Tiến độ thi công theo đúng tiến độ Nhà thầu xây lắp đã ký kết với chủ đầu tư;

- Tuyệt đối an toàn trong lao động và đảm bảo vệ sinh không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;

- Khối lượng thi công được thực hiện theo thiết kế được duyệt, các thay đổi đã được Chủ đầu tư chấp thuận và được nghiệm thu và thanh, quyết toán đúng, đủ theo đúng thực tế.

Trách nhiệm của tư vấn giám sát:

1. Chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ các hạng mục thi công xây dựng công trình, bao gồm các công việc giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công của dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và hợp đồng ký kết.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về chất lượng thi công công trình. Cung cấp cho Chủ đầu tư bản kế hoạch quản lý chất lượng toàn diện của dự án, các quy trình kiểm soát thi công cho từng công tác. Trợ giúp, tư vấn cho Chủ đầu tư soạn thảo và tổ chức các cuộc họp chất lượng, các cuộc họp phối hợp với chủ đầu tư và nhà thầu thi công và các bên liên quan khác để giải quyết kịp thời các vấn đề kỹ thuật phát sinh. Có trách nhiệm xem xét bản kế hoạch quản lý chất lượng của nhà thầu thi công nhằm thống nhất chung về một hệ thống quản lý chất lượng cho công việc. Thiết lập quy trình giải quyết và ngăn ngừa các vấn đề về chất lượng mà các nhà thầu thi công không tuân thủ trong quá trình thi công. Tư vấn cho chủ đầu tư xem xét sự thích hợp và đúng đắn của các biện pháp thi công và các quy trình thi công của Nhà thầu thi công nhằm đảm bảo tất cả các công việc được lên kế hoạch. Trợ giúp, tư vấn cho Chủ đầu tư kiểm tra các chứng chỉ, bằng cấp và số lượng của nhân sự các Nhà thầu thi công cũng như các chứng chỉ kiểm tra chất lượng, số lượng của vật tư thiết bị. Thiết lập quy trình phát hành công tác sửa đổi thiết kế tại hiện trường và liên hệ với thiết kế để giải quyết những vướng mắc về vấn đề thiết kế thi công. Trợ giúp, tư vấn cho Chủ đầu tư về cách thức tổ chức quản lý và phối hợp giải quyết các vấn đề chất lượng giữa các nhà thầu thi công khi cùng thi công chung trên một mặt bằng.

3. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của mình theo đúng các điều khoản quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và phải đảm bảo thực hiện ngay từ khi khởi công xây dựng công trình, thường xuyên, liên tục trong quá trình thi công xây dựng. Căn cứ vào thiết kế được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng. Được phép bảo lưu các ý kiến của mình đối với công việc giám sát do mình đảm nhận.

4. Lưu trữ và nắm vững các quy trình quy phạm hiện hành cũng như các quy định của Nhà nước Việt Nam, các tiêu chuẩn nước ngoài áp dụng trong dự án.

5. Thông qua Chủ đầu tư các phương án hoạt động, giám sát kiểm tra chất lượng thi công và thông báo cho nhà thầu thi công biết để phối hợp thực hiện. Thiết lập kế hoạch giám sát bao gồm toàn bộ nội dung của quá trình giám sát xuyên suốt quá trình thi công cho tới khi bàn giao. Đề trình cho Chủ đầu tư bằng kế hoạch huy động nhân lực của mình bao gồm cả thời gian làm việc trên công trường và nghỉ phép của mỗi thành viên nhằm để Chủ đầu tư dễ liên lạc và bàn bạc giải quyết công việc. Bất kỳ sự vắng mặt nào trên công trường của mỗi thành viên đều được báo cáo và giải thích bằng văn bản cho Chủ đầu tư xem xét.

6. Trợ giúp cho Chủ đầu tư kiểm tra, đánh giá năng lực và trình độ của các nhân sự trong tổ chức nhân sự của Nhà thầu thi công bao gồm năng lực thi công, trang thiết bị, máy móc thi công. Đề trình cho Chủ đầu tư bằng huy động thiết bị phục vụ tại công trường. Thiết lập quy trình quản lý vật tư và thiết bị trên công trường nhằm đảm bảo mọi công việc liên quan đến các bên trên công trường đều tuân theo một quy trình thống nhất. Tư vấn cho Chủ đầu tư theo dõi, giám sát và kiểm tra quá trình mua sắm

vật tư thiết bị phục vụ cho công việc của Nhà thầu thi công đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu của hợp đồng, đúng tiến độ giao nhận hàng.

7. Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ quá trình thi công của Nhà thầu thi công đảm bảo Nhà thầu thi công đang thực hiện đúng các nghĩa vụ theo điều khoản của hợp đồng và đúng thiết kế đã được phê duyệt.

8. Kiểm soát, theo dõi, quản lý tiến độ thực hiện dự án, tư vấn thường xuyên cho chủ đầu tư để có thông báo cho nhà thầu thi công về sự chậm trễ nào so với tiến độ yêu cầu và đề ra các giải pháp khắc phục. Đề trình cho Chủ đầu tư các mẫu biểu báo cáo tiến độ các công việc để xem xét phê duyệt. Chuẩn bị và đề trình cho Chủ đầu tư các báo cáo tuần, tháng. Nội dung bao gồm các phân tích, đánh giá tình trạng triển khai, huy động nhân lực thiết bị khối lượng công việc hoàn thành, khối lượng công việc đang chậm trễ, các vấn đề phát sinh, các nguy cơ tiềm tàng cũng như các đề xuất các giải pháp khắc phục. Kiểm tra xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết ở các mức, điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế và thời hạn yêu cầu bằng cách đề xuất các giải pháp hợp lý. Trợ giúp cho Chủ đầu tư quản lý Nhà thầu thi công thực hiện đúng tiến độ cũng như xem xét đề xuất cho Chủ đầu tư các phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng, vướng mắc giữa các Nhà thầu thi công nhằm đảm bảo quá trình thi công liên tục.

9. Giúp Chủ đầu tư kiểm tra khối lượng của các công việc đã hoàn thành, xác nhận khối lượng đề nghị thanh toán của nhà thầu thi công và giúp Chủ đầu tư giải quyết những vấn đề liên quan. Thiết lập biểu mẫu báo cáo về khối lượng công việc đã và đang thực hiện của các nhà thầu theo dạng biểu đồ nhằm đảm bảo tính chính xác tiến độ thi công thực tế so với kế hoạch đề ra. Kiểm soát khối lượng nhằm đảm bảo cho Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu kịp thời và hợp lý theo các mốc thanh toán giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công, kiểm soát các phát sinh của Nhà thầu thi công để Chủ đầu tư phê duyệt các đề nghị phát sinh một cách hợp lý.

10. Thực hiện kiểm tra các công tác thí nghiệm, lấy mẫu và thử mẫu, các công tác đo đạc khác nhằm giúp chủ đầu tư kiểm soát tính chính xác của công việc và chất lượng thi công của các Nhà thầu thi công. Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng cung cấp theo yêu cầu thiết kế, bao gồm:

- Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình trước khi đưa vào xây dựng công trình.

- Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng cung cấp thì Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng.

11. Cập nhật những bản vẽ, những tài liệu thiết kế chi tiết đã được hiệu chỉnh một cách nhanh chóng nhằm đảm bảo quá trình thi công được tiến hành một cách thông suốt. Thiết lập quy trình quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng và các văn bản khác có liên quan, đảm bảo cập nhật các bản vẽ bổ sung thiết kế mới nhất phục vụ công tác giám sát thi công.

12. Làm việc nghiêm túc, công minh, kiên quyết loại trừ những việc làm thiếu trung thực, không chính đáng, đảm bảo tính trung thực, khách quan, không vụ lợi. Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết. Không nghiệm thu khối lượng không đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu thiết kế của công trình, từ chối nghiệm thu thi công công trình không đạt yêu cầu chất lượng. Đề xuất với Chủ đầu tư xây dựng công trình những bất hợp lý về thiết kế để kịp thời sửa đổi. Bồi thường thiệt hại khi làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng người giám sát không báo cáo với Chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc người có thẩm quyền xử lý, các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Mô tả chi tiết từng điểm và bản vẽ thi công tại từng địa điểm sẽ được Ban QLDA dự án cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm tự lo phương tiện đi lại, vận chuyển vật dụng. Nhà thầu sẽ tiến hành công việc song song với công việc của nhà thầu thi công.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu: Nhà thầu tự vấn giám sát thực hiện công việc giám sát nhà thầu thi công xây dựng công trình gồm các hạng mục:

1.1. Kênh CA23

a. Quy mô

Lý trình	L(m)	Q_{tk} (m^3/s)	B_k (m)	i	m	CT đáy kênh	Giải pháp thiết kế
Đoạn từ Km0 đến Km0+488	488	3,16	4÷5	1×10^{-4}	1,50	(-1,40)÷(-1,45)	Nạo vét, kiên cố hóa 2 mái kênh; gia cố bờ tả bằng bê tông nhựa, gia cố bờ hữu bằng bê tông xi măng
Đoạn từ Km0+488 đến Km1+112	624	3,16	5÷6,5	1×10^{-4}	1,50	(-1,45)÷(-1,50)	Nạo vét, kiên cố hóa 2 mái kênh; gia cố 2 bờ bằng bê tông xi măng

b. Kết cấu chung:

- Kiên cố hóa 2 mái kênh với kết cấu như sau:

+ Chân mái kênh bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 có tiết diện (bxh)=(50x50)cm dưới lót đá (2x4) dày 10cm; gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\phi(6\div 8)$ cm dài $L=2,5$ m, khoảng cách $a=20$ cm; cao trình chân mái kênh đầu tuyến (-1,40).

+ Mái kênh gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 30cm, dưới lót đá (2x4) dày 10cm. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược, kích thước tấm thoát nước (bxh)=(50x50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2x4)cm dày 15cm, đá (1x2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2x4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 40cm. Cao trình đỉnh mái theo mặt bằng hiện trạng.

+ Dọc theo tuyến kênh cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa đường.

+ Trên tuyến bố trí bậc rửa bằng đá hộc xây VXM M100, trát vữa xi măng M100 dày 2cm; chiều rộng 2,5m/bậc với khoảng cách 100m/bậc.

- Gia cố đường bờ kênh phía bờ tả từ K0 đến K0+488 dài 488m bằng BT nhựa, $B_{gc}=5,5m$, $i=2\%$. Lê đường $B_{lê}=0,5*2$ bên, độ dốc $i=4\%$. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

Đối với phần đường nằm trên đường cũ:

- + Mặt đường BTNC 19 dày 7cm
- + Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm
- + Bù vênh CPĐD loại 1 trên mặt đường cũ:

Đối với phần đường mở rộng:

- + Mặt đường BTNC19 dày 7cm
- + Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp dưới dày 20cm
- + Cát đen đầm chặt $K \geq 98$ dày 30cm

Kết cấu lê đường: Lê đường gia cố bằng BT M200 dày 10cm, dưới lót 01 lớp bạt dứa và lớp đá thải dày 15cm

- Gia cố đường bờ kênh phía bờ tả từ K0+488 đến K1+112 dài 624m và phía bờ hữu bằng BT M300, $B=(4-4,5)m$ trong đó: $B_{gc}=(3,5-4)m$, $B_{lê}=0,5m$. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

- + Mặt đường bê tông M300 dày 20cm
- + Lót lớp bạt dứa
- + Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm
- + Bù vênh CPĐD loại 1

1.2. Kênh CA23-1

a. Quy mô

Lý trình	L(m)	Q_{tk} (m ³ /s)	B_k (m)	i	m	CT đáy kênh	Giải pháp thiết kế
Đoạn từ Km0 đến Km0+438	438	1,52	$5 \div 8$	1×10^{-4}	1,50	$(-0,90) \div (-0,95)$	Nạo vét, kiên cố hóa 2 mái kênh; gia cố bờ tả bằng bê tông nhựa, gia cố bờ hữu bằng bê tông xi măng

b. Kết cấu chung:

- Kiên cố hóa 2 mái kênh với kết cấu như sau:

+ Chân mái kênh bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 có tiết diện (bxh)=(50x50)cm dưới lót đá (2x4) dày 10cm; gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\phi(6 \div 8)cm$ dài $L=2,5m$, khoảng cách $a=20cm$; cao trình chân mái kênh đầu tuyến (-0,90).

+ Mái kênh gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 30cm, dưới lót đá (2x4) dày 10cm. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược, kích thước tâm thoát nước (bxh)=(50x50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2x4)cm dày 15cm, đá (1x2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2x4)cm dày 10cm;

chiều rộng đỉnh mái 40cm. Cao trình đỉnh mái theo mặt bằng hiện trạng.

+ Dọc theo tuyến kênh cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa đường.

+ Trên tuyến bố trí bậc rửa bằng đá học xây VXM M100, trát vữa xi măng M100 dày 2cm; chiều rộng 2,5m/bậc với khoảng cách 100m/bậc.

- Gia cố bờ kênh phía bờ tả, $B_{gc}=5,5m$, $i=2\%$. Lề đường $B_{lề}=0,5*2$ bên, độ dốc $i=4\%$. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

Đối với phần đường nằm trên đường cũ:

- + Mặt đường BTNC19 dày 7cm
- + Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm
- + Bù vênh CPĐD loại 1 trên mặt đường cũ

Đối với phần đường mở rộng:

- + Mặt đường BTNC19 dày 7cm
- + Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm
- + Lớp móng CPĐD loại 1 lớp dưới dày 20cm
- + Cát đen đầm chặt $K \geq 98$ dày 30cm

Kết cấu lề đường: Lề đường gia cố bằng BT M200 dày 10cm, dưới lót 01 lớp bạt dứa và lớp đá thải dày 15cm

- Gia cố bờ kênh phía bờ hữu, $B=3,5m$ trong đó: $B_{gc}=3m$, $B_{lề}=0,5m$. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

- + Mặt đường bê tông M300 dày 20cm
- + Lót lớp bạt dứa
- + Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm

1.3. Kênh Mỹ Tho:

a. Quy mô

Lý trình	L(m)	Q_{tk} (m ³ /s)	B_k (m)	i	m	CT đáy kênh	Giải pháp thiết kế
Đoạn từ Km0 đến Km0+238	238	9,60	5	1×10^{-4}	1,50	$(-1,58) \div (-1,60)$	Nạo vét, kiên cố hóa 2 mái kênh;
Đoạn từ Km0+238 đến Km0+503	265	9,60	$7 \div 10$	1×10^{-4}	1,50	$(-1,80) \div (-1,82)$	Nạo vét, kiên cố hóa 2 mái kênh; gia cố bờ hữu bằng bê tông nhựa

b. Kết cấu chung:

- Kiên cố hóa 2 mái kênh với kết cấu như sau:

+ Chân mái kênh bằng đá học xây vữa xi măng M100 có tiết diện (bxh)=(50x50)cm dưới lót đá (2x4) dày 10cm; gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\phi(6 \div 8)$ cm dài $L=2,5m$, khoảng cách $a=20cm$; cao trình chân mái kênh đầu tuyến (-1,58).

+ Mái kênh gia cố bằng đá học xây vữa xi măng M100 dày 30cm, dưới lót đá (2x4) dày 10cm. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược, kích thước tấm thoát nước (bxh)=(50x50)cm dày 10cm có đục lỗ,

dưới lót đá (2x4)cm dày 15cm, đá (1x2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2x4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 40cm. Cao trình đỉnh mái theo mặt bằng hiện trạng.

+ Dọc theo tuyến kênh cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa đường.

+ Trên tuyến bố trí bậc rửa bằng đá hộc xây VXM M100, trát vữa xi măng M100 dày 2cm; chiều rộng 2,5m/bậc với khoảng cách 100m/bậc.

- Gia cố đường bờ kênh phía hữu đoạn từ Km0+238 đến Km0+503 (từ Đập Mỹ Tho đến Cống cuối CA23-1), B=7,5m. Trong đó: Bgc=5,5m, i= 2%. Lề đường Blề=1,0*2bên, độ dốc i=4%. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

Đối với phần đường nằm trên đường cũ:

+ Mặt đường BTNC19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm

+ Bù vênh CPĐD loại 1 trên mặt đường cũ

Đối với phần đường mở rộng:

+ Mặt đường BTNC19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp dưới dày 20cm

+ Cát đen đầm chặt K_v≥98 dày 30cm

Kết cấu lề đường: Lề đường gia cố bằng BT M200 dày 10cm, dưới lót 01 lớp bạt dứa và lớp đá thải dày 15cm.

1.4. Kênh CN11:

a. Quy mô

Lý trình	L(m)	Q _{tk} (m ³ /s)	B _k (m)	i	m	CT đáy kênh	Giải pháp thiết kế
Đoạn từ Km0 đến Km1+13	1.013	5,33	≥ 5	5x10 ⁻⁵	1,50	(-1,43)÷ (-1,48)	Nạo vét, kiên cố hóa mái bờ hữu; gia cố bờ hữu bằng bê tông nhựa

b. Kết cấu chung:

- Kiên cố hóa mái bờ hữu với kết cấu như sau:

+ Chân mái kênh bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 có tiết diện (b_{xh})=(50x50)cm dưới lót đá (2x4) dày 10cm; gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre φ(6÷8)cm dài L=2,5m, khoảng cách a= 20cm; cao trình chân mái kênh đầu tuyến (-1,43).

+ Mái kênh gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 30cm, dưới lót đá (2x4) dày 10cm. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược, kích thước tấm thoát nước (b_{xh})=(50x50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2x4)cm dày 15cm, đá (1x2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2x4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 40cm. Cao trình đỉnh mái (+1,50).

+ Dọc theo tuyến kênh cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa

đường.

+ Trên tuyến bố trí bậc rửa bằng đá học xây VXM M100, trát vữa xi măng M100 dày 2cm; chiều rộng 2,5m/bậc với khoảng cách 100m/bậc.

- Gia cố đường bờ kênh phía bờ hữu B=6,5m. Trong đó: Bgc=5,5m, i= 2%. Lê đường Blè=0,5*2 bên, độ dốc i=4%. Kết cấu áo đường theo chiều từ trên xuống:

Đối với phần đường nằm trên đường cũ:

+ Mặt đường BTNC19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm

+ Bù vênh CPĐD loại 1 trên mặt đường cũ

Đối với phần đường mở rộng:

+ Mặt đường BTNC19 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp trên dày 15cm

+ Lớp móng CPĐD loại 1 lớp dưới dày 20cm

+ Cát đen đầm chặt K_v≥98 dày 30cm.

Kết cấu lề đường:

+ Lê đường tại vị trí giáp mái kênh, giáp nhà dân gia cố bằng BT M200 dày 10cm, dưới lót 01 lớp bạt dứa và lớp đá thải dày 15cm

+ Vị trí giáp ruộng lề đường cố một lớp đá thải dày 20cm

1.5. Các công trình trên tuyến

a. Xây dựng cống hộp trên tuyến kênh CA23 (Cống cuối VB15-1)

- Quy mô

Lý trình	Giải pháp thiết kế cống			Vị trí	Cao trình đáy (m)
	Giải pháp	Loại cống	Kích thước (m)		
Km0+428	Thiết kế mới	Cống hộp	BxH 2,50x2,10	Bờ hữu	(-0,90)

- Kết cấu: Đáy cống bằng bê tông cốt thép M250, lót bê tông M100; Nền xử lý cọc tre φ(6÷8)cm dài 3,0m; mật độ 30 cọc/m²; Tường đầu, tường cánh, thân cống bằng bê tông cốt thép M250; cánh cửa phẳng bằng thép, đóng mở bằng pa lăng xích.

b. Xây dựng cống hộp trên tuyến kênh C11 (Cống đầu CN11-20)

- Quy mô

Lý trình	Giải pháp thiết kế cống			Vị trí	Cao trình đáy (m)
	Giải pháp	Loại cống	Kích thước (m)		
Km0+474	Thiết kế mới	Cống hộp	BxH 2,50x2,10	Bờ hữu	(-0,90)

c. Nối dài các cống trên bờ kênh: Nối dài 10 cống hộp, 4 cống tròn D800, 5 cống tròn D600, 3 cống tròn D400.

+ Đối với cống buy: Sử dụng ống cống bê tông cốt thép âm dương đúc sẵn tải trọng HL93, chiều dài đốt L= 1m. Đế cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn M200, dưới đệm đá dăm 4x6 dày 10cm. Tường đầu và tường cánh cống bằng bê tông M200 đổ tại chỗ. Xử lý nền bằng cọc tre dài L=1,5m mật độ 25 cọc/m².

+ Đối với công hộp: Bản đáy và tường công bằng bê tông M200 đổ tại chỗ. Trần công bằng bê tông cốt thép đúc sẵn M200. Dưới móng công được đệm đá dăm 4x6 dày 10cm và xử lý nền bằng cọc tre dài L=1,5m mật độ 25 cọc/m².

2. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Kể từ ngày hợp đồng tư vấn giữa chủ đầu tư và nhà thầu có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo:

1.1. Nội dung báo cáo nên bao gồm (nhưng không giới hạn bởi các nội dung):

- Tóm tắt tiến trình thực hiện gói thầu từ khi khởi công/ tiến độ công việc của nhà thầu thi công so với kế hoạch đã thống nhất.

- Xác định khối lượng/ chất lượng phần công tác đã thực hiện giám sát vừa qua, tình trạng công trình và tài chính của hợp đồng xây lắp.

- Đề xuất cách xử lý cụ thể với Chủ đầu tư đối với các nội dung chưa phù hợp (nếu cần).

1.2. Bảng danh mục báo cáo:

- Nêu ý kiến đối với khối lượng/ tiến độ phần công tác sắp tới.

- Báo cáo về công tác giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường của nhà thầu.

STT	Danh mục báo cáo	Số bản	Thời gian nộp báo cáo
1	Báo cáo khởi đầu và kế hoạch triển khai công việc	03	01 tuần kể từ khi hợp đồng có hiệu lực
2	Báo cáo hàng tháng	03	Vào ngày mùng 05 tháng tiếp theo
3	Báo cáo hoàn thành Hợp đồng xây lắp của tổ chức tư vấn giám sát – Báo cáo công tác giám sát nghiệm thu công trình	03	30 ngày sau khi nộp hoàn thành công tác xây lắp ngoài hiện trường
4	Nộp sổ nhật ký giám sát Hợp đồng xây lắp	01 bản gốc	Sau khi hoàn thành từng hợp đồng xây lắp
5	Các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của chủ đầu tư	Theo yêu cầu của chủ đầu tư	

2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Tối đa 420 ngày kể từ ngày khởi công thi công cho đến khi công trình được nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; trong phần giải pháp, phương pháp luận nếu nhà thầu trình bày bằng các văn bản hết hiệu lực hoặc văn bản đã được văn bản khác thay thế hoặc văn bản được văn bản khác sửa đổi, bổ sung thì sẽ bị đánh giá là không hiểu biết, không hợp lý, không đúng tại nội dung đang được đánh giá; nhân sự bố trí cho gói thầu phải đảm bảo các yêu cầu tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, trường hợp bắt buộc phải thay

thế nhân sự thì nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc hơn nhân sự bị thay thế và được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Bố trí nhân sự theo dõi và hỗ trợ việc thực hiện công việc tư vấn.
- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án;
- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.
- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.
- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.